

Tiêm cận công lý: Cải cách tư pháp

L22-24: 31/12/2019-02/01/2020

Ngày	Nội dung	Bài tập BT
22/10/2019	Giới thiệu môn học: Hình thành 06 nhóm	
24/10/2019	Pháp luật: Khái niệm và mối quan hệ Pháp luật & Chính sách công	
29/10/2019	Phân quyền giữa TW và địa phương: Vai trò của Hiến pháp	
31/10/2019	Xác lập ưu tiên lập quy, lập pháp: Giới thiệu ưu tiên của 06 nhóm	
5/11/2019	Vận động chính sách (advocacy) Vận động hành lang (lobbying)	
7/11/2019	Thực hành vận động hành lang: Thương lượng nhằm ưu tiên soạn thảo và thông qua 02 Dự thảo nghị quyết HĐND	BT.1
12/11/2019	Lập quy địa phương: Các nhân tố và quy trình	
14/11/2019	Lập pháp ở TW: Các nhân tố và quy trình	Ý tưởng 0
	Sự khác biệt: Giới quyền thế và ảnh hưởng tới lập pháp ở Việt Nam	
19/11/2019	Các tiêu chí đánh giá các dự án luật: ROCCUPI	
21/11/2019	Các tiêu chí đánh giá các dự án luật: RIA	
	Quy trình nghị viện: QH/HĐND hoạt động trên quy tắc nào?	BT.2
26/11/2019	8:30-10:15 Thi giữa kỳ (90 phút): 10:30-11:45 Các nhóm bầu trưởng ban & Xác lập quy tắc Phiên họp thẩm định dự án luật/nghị quyết (hearing) Phác thảo hồ sơ	Exam
3/12/2019	Quy trình nghị viện: Cơ quan dân cử hoạt động như thế nào? Khách mời dự kiến: TS Nguyễn Sĩ Dũng	
5/12/2019	Giám sát nghị viện: Giám sát thực hiện pháp luật, pháp quy	
9/12/2019	Luật và Phát triển: Các con đường đi đến chế độ PQ ở Đông Á	ĐC1
10/12/2019	Luật và Phát triển: Gợi ý mô hình lý thuyết cho các QG chuyển đổi	
17/12/2019	Luật và Phát triển: Các thách thức trong xây dựng chế độ pháp quyền	BT.3
19/12/2019	Nghiên cứu tình huống 1: Luật đất đai	
24/12/2019	Nghiên cứu tình huống 2: Luật cạnh tranh	
26/12/2019	Nghiên cứu tình huống 3: Luật hình sự	
31/12/2019	Tiêm cận công lý (1): Cải cách tư pháp ở Đông Á	
02/01/2020	Tiêm cận công lý (2): Cải cách tư pháp ở Việt Nam	BT.4
07/01/2020	Tham vấn chính sách: Kinh nghiệm tham gia lập pháp của các hiệp hội (Thảo luận: Tăng cường tiêm cận công lý cho người dân)	
09/01/2020	Tổng kết khóa học: Khái quát các lý thuyết, Hỏi đáp	
8:30 -16.45	Phiên họp thẩm định Dự thảo Nghị quyết (1) HĐND chủ trì	
17/01/2020	Tranh luận, biểu quyết (thông qua, hoặc không thông qua Nghị quyết)	ĐC 2

Phân loại tổ tụng

- ❖ Tranh chấp pháp lý & các hình thức tài phán
 - Tranh chấp mang tính hiến pháp ⇒ Luật HP
 - Tranh chấp hình sự ⇒ Luật HS
 - Tranh chấp hành chính ⇒ Luật HC
 - Tranh chấp dân sự, kinh tế ⇒ Luật DS
 - Tranh chấp lao động, an sinh xã hội ⇒ Bảo hiểm, ASXH
 - Tranh chấp khác (ví dụ vị thành niên, bảo vệ môi trường, phá sản, đạo đức)
- ❖ Các tranh chấp xã hội và thiết chế giải quyết xung đột khác
 - Tranh chấp giữa các cộng đồng, sắc tộc, tôn giáo, niềm tin, ý thức hệ, thể hệ
 - Các thể chế phi chính thức

Hiến pháp & Cơ chế bảo hiến

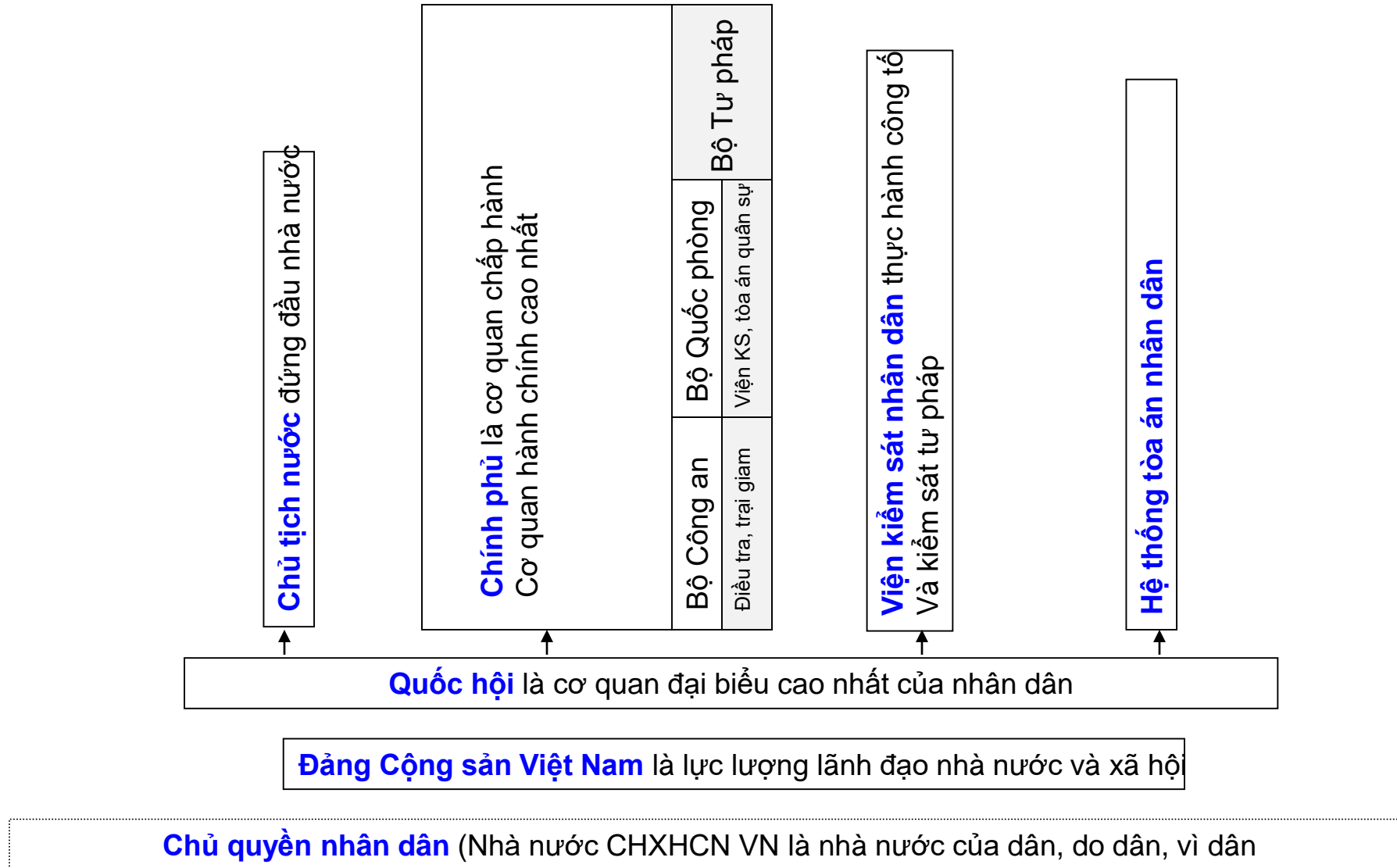
- ❖ Xung đột lợi ích giữa các cơ quan nhà nước TW, TW- Địa phương, tranh chấp giữa các địa phương
- ❖ Tranh chấp giữa nhà nước, người dân, xã hội dân sự về các quyền quy định tại HP (bảo hiến)
- ❖ Tranh chấp giải thích HP
- ❖ HP 2013 còn bỏ ngỏ mô hình cơ quan tài phán Hiến pháp

Hình sự & Tố tụng hình sự

- ❖ Truyền thống hình luật ở Việt Nam
- ❖ Tội, Tội danh, Khung hình phạt
- ❖ Trách nhiệm hình sự
- ❖ Tố tụng hình sự (suy đoán vô tội):
 - Điều tra (Nghị can)
 - Khởi tố vụ án (Bị can)
 - Khởi tố (Bị cáo)
 - Công tố (Buộc tội)
 - Luật sư (Bào chữa)
 - Tranh luận (Tranh tụng đối kháng)
 - Xét xử hai cấp => Thi hành án

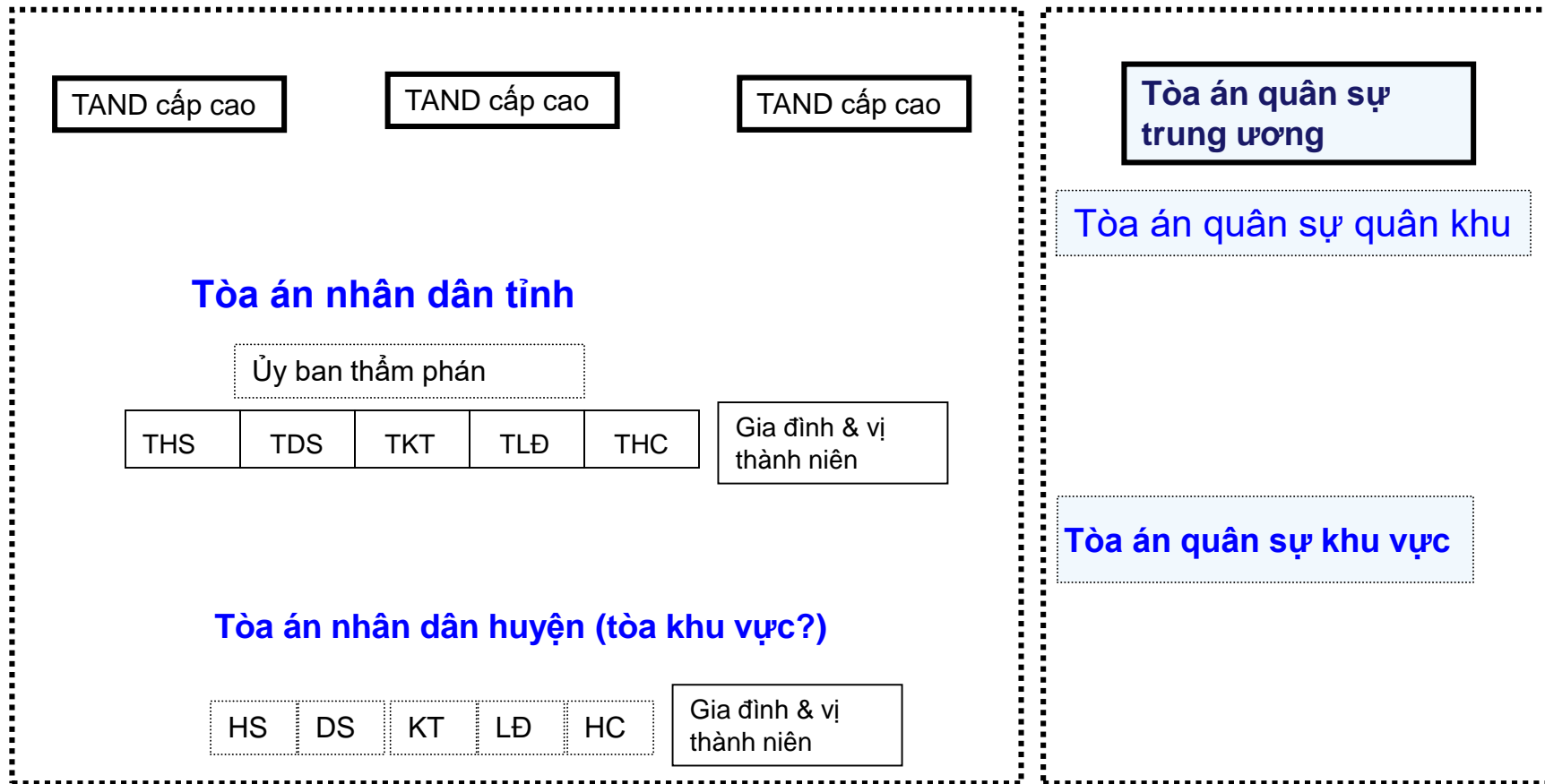
Cải cách tư pháp ở Việt Nam

- ❖ 1945-1953
 - Tòa sơ cấp, tòa đệ nhị cấp, tòa phúc thẩm, tòa tối cao, HP 1946 § 11, 63-69
- ❖ 1953-1960
 - Sắc lệnh 85 ngày 22/05/1950 về cải cách tư pháp => Tòa án nhân dân
- ❖ 1960-1981: Giải tán Bộ Tư pháp
 - VNCH: Hệ thống tòa án theo mô hình thực dân Pháp được duy trì
- ❖ 1960-1992: Thay chương tư pháp bằng “Tòa án nhân dân và VKSND” => chỉnh sửa 2001
- ❖ **Cải cách tư pháp** theo Nghị quyết 49/NQ-TW ngày 02/06/2005



TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

17 Thẩm phán TANDTC



Hệ thống tòa án nhân dân, vẽ giản lược theo Luật Tổ chức tòa án nhân dân 2015

Tổng quan về luật tố tụng

<i>Tố tụng hình sự</i>	<i>Tố tụng hành chính</i>	<i>Tố tụng dân sự</i>
Nhà nước => Người dân (DN?) => có năng lực chịu TNHS	Người dân/DN => CQNN	Chủ thể dân sự (người)
Suy đoán vô tội	CQNN chỉ được làm điều mà pháp luật cho phép	Người dân được làm những gì mà pháp luật không cấm
Nghĩa vụ chứng minh: Nhà nước	Nghĩa vụ chứng minh: Bên yêu cầu (Nhà nước: Đảo ngược)	Nghĩa vụ chứng minh: Bên yêu cầu
Quyền bào chữa	Nguyên tắc: mệnh lệnh, song phải đối xử công bằng	Nguyên tắc tự định đoạt
Thời hiệu (5,10,15,20 năm) loại trừ Ch XI, XXIV BLHS 2009	Trước đây: 40-45 ngày, nay tùy theo nội dung (5 ngày – 1 năm)	Nguyên tắc chung: 02 năm Chiếm hữu: § 247.1 BLDS
- Bị can, bị cáo thuê bào chữa - Bào chữa chỉ định	Án phí	Án phí
Không thể hòa giải	Hòa giải	Hòa giải
Án oan sai, trách nhiệm bồi thường của nhà nước	Sơ thẩm, Phúc thẩm, GĐT, TT Đã quy định: Án đụng trần	Sơ thẩm, Phúc thẩm, GĐT, TT Vấn đề thảo luận: Án đụng trần

Sức ép cải cách tố tụng hình sự

- ❖ Nghị quyết 388/2003/NQ-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra
- ❖ Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước ngày 18/06/2009, có hiệu lực từ 01/01/2010
- ❖ Sự tham gia của luật sư (bắt đầu từ thủ tục điều tra)
- ❖ Quyền được bào chữa của bị can, bị cáo, cải thiện thủ tục tranh tụng tại phiên tòa

Thời hạn của các giai đoạn	Tội ít nghiêm trọng <3	Tội nghiêm trọng <7	Tội rất nghiêm trọng < 15	Tội đặc biệt nghiêm trọng > 15
Thời hạn điều tra	60	90	120	120
Gia hạn điều tra	30	90	150	480
Thời hạn truy tố	20	20	30	30
Gia hạn truy tố	10	15	30	30
Trả hồ sơ, bổ sung	120	120	120	120
Gửi hồ sơ cho tòa	3	3	3	3
Chuẩn bị xử	30	45	60	120
Gia hạn chuẩn bị	15	15	15	15
Trả hồ sơ, bổ sung	60	60	60	60
Ra QĐ xét xử	15	15	15	15
Tổng cộng	363	473	618	1.008
Điều tra, xử lại	Quay lại từ đầu			

Cải cách tổ tụng hành chính

- ❖ Luật tổ tụng hành chính
- ❖ Luật khiếu nại
- ❖ Luật tố cáo
- ❖ Cơ chế bảo vệ hiến pháp (2013)

Cải cách tổ tụng dân sự

❖ BLTTDS

- Việc lao động
- Việc hôn nhân, gia đình
- Việc dân sự (vụ kiện và vụ việc hành chính tư pháp)

❖ Thủ tục rút gọn

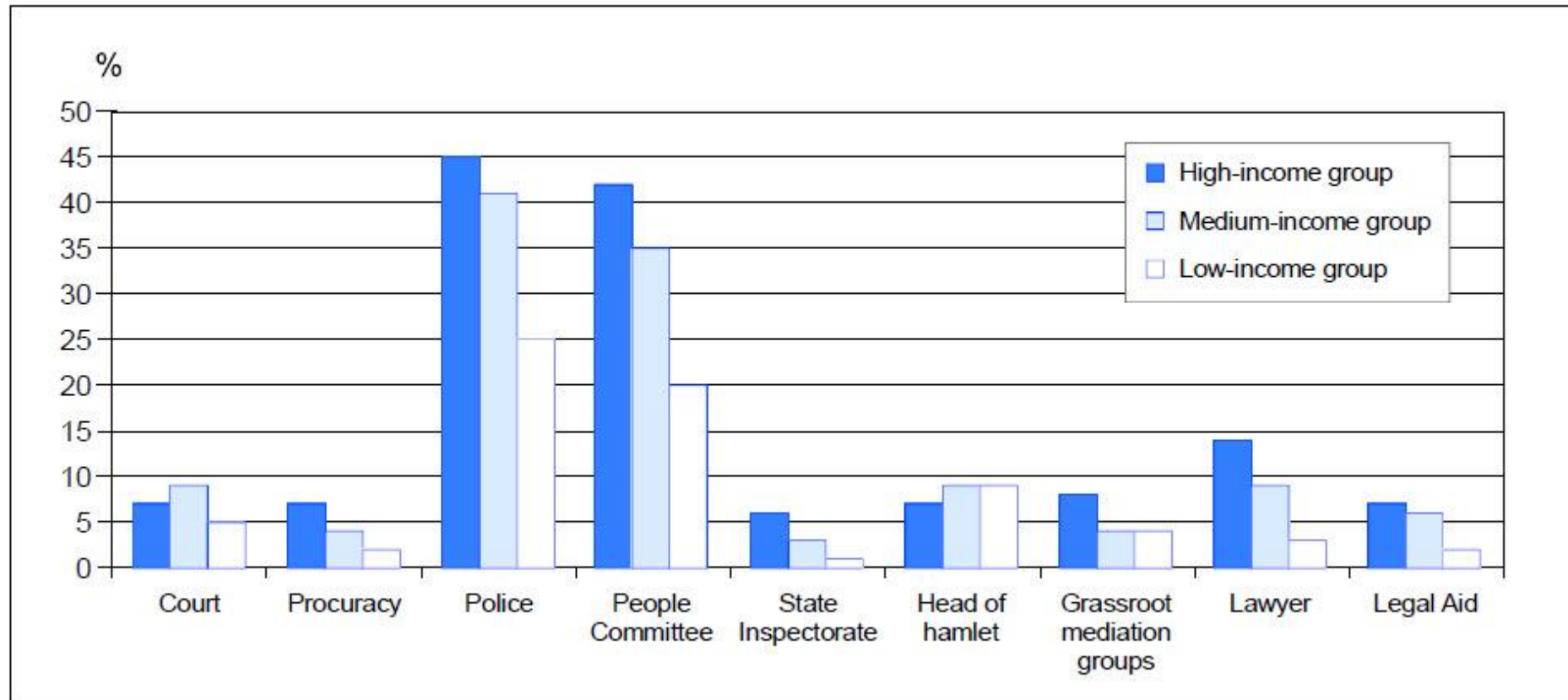
- Doing Business

❖ Thân thiện với DN/người dân

❖ Chuyên nghiệp, hiệu quả, có tính cạnh tranh

Niềm tin vào các thể chế

Graph 5: Access to legal institutions crosstabbed with income level



Percentage of interviewees indicating having accessed selected legal institutions, disaggregated by income level.